

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHÚ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 228/QĐ-UBND

Phú An, ngày ..01..tháng...8...năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Công khai Quyết toán ngân sách xã Phú An năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài Chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành 1 số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 3152/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch đầu tư công năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 29 tháng 05 năm 2018 của UBND thị xã Bến Cát về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về việc điều chỉnh dự toán thu chi ngân sách nhà nước thị xã Bến Cát năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 2412/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về việc bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 cho các xã, phường để hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở giai đoạn 2016 – 2018;

Căn cứ Quyết định số 2942/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2018 của UBND thị xã Bến Cát về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch điều hòa đầu tư công năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân xã Phú An về việc phê duyệt báo cáo Quyết toán ngân sách xã Phú An năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai Quyết toán ngân sách xã Phú An năm 2018 như sau:

Tổng thu NS xã: 25.531.994.141 đồng.

Tổng chi NS xã: 20.762.887.026 đồng.

Trong đó:

- Chi trong khoán: 4.220.500.000 đồng.

- Chi ngoài khoán: 14.354.015.767 đồng.

- Chi Cải cách tiền lương: 125.814.719 đồng

- Chi đầu tư phát triển: 1.544.479.000 đồng

- Chi chuyển nguồn: 518.077.540 đồng.

Kết dư NS xã sang năm 2019: 6.313.586.095 đồng.

(Có biểu mẫu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao bộ phận Tài chính - Kế toán lập quyết toán thu, chi ngân sách xã Phú An năm 2018 theo số được duyệt và thực hiện công khai theo đúng quy định.

Điều 3. Công chức Văn phòng HĐND – UBND, bộ phận Tài chính – Kế toán, các Ban, Ngành, Đoàn thể có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã Bến Cát;
- TT. Đảng ủy – TT. HĐND;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.



Lê Nguyễn Thanh Bình



Biểu số 120/CK TC - NSNN

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2018

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch			Thực hiện		
		Thu	Chi	Chênh lệch (+)(-)	Thu	Chi	Chênh lệch (+)(-)
	TỔNG SỐ						
	Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	450.719.316	337.198.241	113.521.075	455.963.516	337.198.241	118.765.275
	- Quỹ đền ơn đáp nghĩa						
	- Quỹ vì người nghèo	30.000.000	3.000.000	27.000.000	31.860.000	3.000.000	28.860.000
	- Quỹ khen thưởng	103.000.000	23.420.000	79.580.000	103.000.000	23.420.000	79.580.000
	- Hoa hồng thu phí PNN	4.690.100	10.024.400	(5.334.300)	5.334.300	10.024.400	(4.690.100)
	- Quỹ PCTT	16.335.000	19.075.000	(2.740.000)	19.075.000	19.075.000	-
	- Thu hộ	296.694.216	281.678.841	15.015.375	296.694.216	281.678.841	15.015.375



UBND Xã Phú An

Biểu số 119/CK TC - NSNN

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: đồng

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công- hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/1- 31/12/2018	Giá trị thanh toán năm			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
	TỔNG SỐ								
I	Công trình chuyển tiếp năm 2017		1.500.000.000	0	1.449.479.000	1.449.479.000	0	1.449.479.000	
1	Nâng cấp bê tông nhựa nóng tuyến đường ĐX 89 (6 Ưng – Út Dư) ấp An Thuận, xã Phú An, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương		320.000.000		316.479.000	316.479.000		316.479.000	
2	Nâng cấp bê tông nhựa nóng tuyến đường ĐX 87 (ĐH 609-Bà Quý) ấp An Thuận, xã Phú An, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương		1.180.000.000		1.133.000.000	1.133.000.000		1.133.000.000	
II	Công trình khởi công mới		80.000.000		95.000.000	95.000.000		95.000.000	
1	Nâng cấp bê tông nhựa nóng tuyến đường ĐX 42 (7 Um-Tư Phi) ấp Bến giảng, xã Phú An, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương		80.000.000		95.000.000	95.000.000		95.000.000	



Biểu số 118/CK TC - NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2018

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

[illegible]



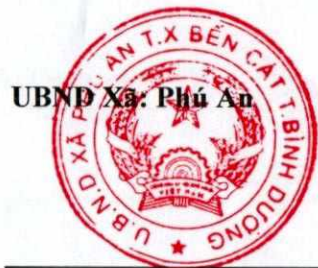
Biểu số 117/CK TC - NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2018

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH QT/DT(%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	3	4	6	7 = 4/1	9 = 6/3
	TỔNG THU	22.896.000.000	20.502.000.000	44.437.140.225	25.531.994.141	194,08	124,53
I	Các khoản thu 100%	496.000.000	496.000.000	631.540.720	631.540.720	127,33	127,33
1	Phí, lệ phí	96.000.000	96.000.000	141.917.000	141.917.000	147,83	147,83
2	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	400.000.000	400.000.000	488.669.970	488.669.970	122,17	122,17
3	Thu khác			953.750	953.750		
II	Các khoản thu phân chi theo tỷ lệ (%)	2.464.000.000	70.000.000	18.984.709.113	79.563.029	770,48	113,66
1	Tiền chậm nộp các khoản khác			48.803.928			
2	Tiền chậm nộp thuế			21.622			
3	Đất được nhà nước giao			12.180.195.306			
4	Thuế thu nhập từ hoạt động thuê tài sản			26.400.000			
5	Thuế thu nhập từ chuyển nhượng đất			4.197.427.973			
6	Thuế GTGT hàng sản xuất	1.075.000.000		1.139.003.060		105,95	
7	Tiền chậm nộp thuế GTGT			14.900			
8	Thu từ đất ở tại nông thôn			3.079.500			
9	Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công			6.802.117			
10	Thuế môn bài bậc 1			22700000			
11	Thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất						
12	Các dịch vụ, hàng hóa sản xuất khác			115.740.000			
13	Thuế TNDN			14.508.000			
14	Thuế sử dụng đất PNN	70.000.000	70.000.000	79.563.029	79.563.029	113,66	113,66
15	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
16	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh (bậc			34.750.000			
17	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh (bậc			12.550.000			
18	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.319.000.000		1.103.149.678		83,64	
III	Thu chuyển nguồn			329.392.259	329.392.259		
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước			4.555.498.133	4.555.498.133		
V	Thu bổ sung từ NS cấp trên	19.936.000.000	19.936.000.000	19.936.000.000	19.936.000.000	100,00	100,00
1	Bổ sung cân đối NS	19.716.000.000	19.716.000.000	19.716.000.000	19.716.000.000	100,00	100,00
2	Bổ sung có mục tiêu	220.000.000	220.000.000	220.000.000	220.000.000	100,00	100,00



UBND Xã: Phú An

Biểu số 116/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2018

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

DVT: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	25.531.994.141	TỔNG SỐ CHI	20.762.887.026
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	631.540.720	I. Chi đầu tư phát triển (NS cấp 3)	1.544.479.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	79.563.029	II. Chi thường xuyên	18.700.330.486
III. Thu bổ sung	19.936.000.000	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm	518.077.540
- Bổ sung cân đối	19.716.000.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	220.000.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	4.555.498.133		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách	329.392.259		
Kết dư ngân sách	6.313.586.115		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

